



TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 185/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Diêm Hải)

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Thực hiện	
			Quý III	Lũy kế năm 2026
A	B	1	2	3
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.493.000.000	2.813.729.000	5.114.492.000
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.493.000.000	2.813.729.000	5.114.492.000
II	Thu về dầu thô			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
IV	Thu Viện trợ			
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	132.318.000.000	23.318.113.000	103.942.038.571
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.403.000.000	1.800.113.000	2.442.198.000
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%			
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)			
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %			
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	130.915.000.000	21.518.000.000	85.372.500.000
1	Bổ sung cân đối	129.108.000.000	21.518.000.000	85.372.500.000
2	Bổ sung có mục tiêu	1.807.000.000	1.807.000.000	1.807.000.000
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			16.127.340.571
V	Thu kết dư			
C	TỔNG CHI NSDP	131.554.000.000	38.741.757.000	92.132.608.000
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	131.554.000.000	38.741.757.000	92.132.608.000
1	Chi đầu tư phát triển	1.785.000.000	1.635.000.000	1.635.000.000
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	127.159.000.000	37.106.757.000	90.497.608.000
3	Chi trả lãi, phí tiền vay			
4	Chi viện trợ			
5	Chi cho vay			
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
7	Dự phòng NSNN	2.610.000.000		
8	Các nhiệm vụ chi khác			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			

Mẫu biểu số 54

He)

Đơn vị: Đồng

So sánh thực hiện với (%)	
Dự toán	Cùng kỳ năm trước
4=3/1	5
85	
343	
79	
66	
100	
70	
70	
92	
71	



ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ III THÁNG NĂM 2026

Kèm theo Thông báo số: 185/TB-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Diêm He)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Thực hiện		So sánh thực hiện với (%)	
			Quý III	Lũy kế năm 2026	Dự toán năm 2026	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.493.000.000	2.813.726.000	5.114.492.000	343	
I	Thu nội địa không kể dầu thô	1.493.000.000	2.813.726.000	5.114.492.000	343	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo			7.601.000		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	150.000.000	2.007.094.000	3.029.422.000	2.020	
4	Thuế thu nhập cá nhân	120.000.000	64.383.000	201.955.500	168	
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	1.040.000.000	663.603.000	1.142.430.000	110	
	<i>Trở lại: Lệ phí trước bạ</i>	<i>990.000.000</i>	<i>640.813.000</i>	<i>1.075.752.000</i>	109	
7	Các khoản thu về nhà, đất	103.000.000	66.062.000	664.871.700	646	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	<i>3.000.000</i>		282.600		
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>			1.874.600		
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	<i>100.000.000</i>	<i>66.062.000</i>	<i>662.714.500</i>	663	
-	<i>Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		834.000	834.000		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	80.000.000	11.750.000	67.377.800	84	
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					

-	Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế					
-	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					
1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	1.403.000.000	1.800.113.000	2.442.198.000		
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP					
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

831.000

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ III NĂM 2026

Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Điềm He)

Đơn

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026	Thực hiện		So sánh t vớ
			Quý III	Lũy kế năm 2026	Dự toán
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	131.554.000.000	38.741.757.000	92.132.608.000	70
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	131.554.000.000	38.741.757.000	92.132.608.000	70
I	Chi đầu tư phát triển	1.785.000.000	1.635.000.000	1.635.000.000	92
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	1.785.000.000	1.635.000.000	1.635.000.000	92
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
II	Chi trả lãi, phí tiền vay				
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	127.159.000.000	37.106.757.000	90.497.608.000	71
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	82.971.000.000	21.103.906.000	55.068.000.000	66
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
IV	Chi cho vay				
V	Chi viện trợ				
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	2.610.000.000			
VIII	Chi cải cách tiền lương, tính giảm biên chế				
IX	Các nhiệm vụ chi khác				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP				
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án				
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách				
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				

